

CÁI TÔI TRỮ TÌNH TRONG THƠ QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN SAU 1975 ĐẾN NAY

Trần Thị Thương

Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: tranthithuongtkp@gmail.com

Ngày nhận bài: 5/8/2025; ngày hoàn thành phản biện: 19/8/2025; ngày duyệt đăng: 8/12/2025

TÓM TẮT

Cái tôi trữ tình là một đặc điểm nổi bật trong thơ Quảng Ngãi giai đoạn sau năm 1975 đến nay. Ở bài viết này, chúng tôi tập trung khai thác hai biểu hiện chính của cái tôi trữ tình, đó là: cái tôi đi tìm bản ngã với những hoài nghi, trăn trở, sự chất vấn, nỗi cô đơn cùng hành trình tìm về kí ức; cái tôi bình dị, đời thường trong sự gắn bó sâu sắc với thiên nhiên, tình cảm gia đình, tình yêu, và những rung động trước những điều bình dị, nhỏ bé của cuộc sống thường nhật. Trong quá trình khảo sát, đánh giá, chúng tôi nhận thấy sự song hành của hai kiểu cái tôi trên không chỉ phản ánh những biến chuyển sâu sắc của xã hội thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập mà còn cho thấy sự nhạy bén, tinh tế trong hành trình tự ý thức cũng như cảm quan nghệ thuật của các nhà thơ xứ Quảng. Từ đó, góp phần tạo nên một diện mạo thơ Quảng Ngãi đa dạng, giàu tính nhân văn và đậm hơi thở thời đại.

Từ khóa: Cái tôi trữ tình, thơ, Quảng Ngãi, sau năm 1975, hiện nay.

1. MỞ ĐẦU

"Hãy bắt đầu từ cuộc sống, từ đó sẽ nảy ra thơ" (Nguyễn Văn Thạc) - cuộc sống là mảnh đất hiện thực màu mỡ ươm mầm cho những vần thơ. Thơ ca, cũng như các thể loại văn học khác, luôn bắt rễ sâu vào hiện thực, được nuôi dưỡng bởi đời sống tinh thần của con người trong những điều kiện lịch sử - xã hội và dấu ấn trầm tích văn hóa của một vùng đất. Sự vận động và những đặc điểm của thơ Quảng Ngãi giai đoạn sau năm 1975 cũng không nằm ngoài quy luật vốn có ấy.

Trên tinh thần "chiến tranh khép lại, văn học phải mở ra", văn học nói chung và thơ ca nói riêng không chỉ là tấm gương phản chiếu hiện thực trong những năm cả nước "gồng mình" khắc phục hậu quả nặng nề của chiến tranh, từng bước "làm quen"

và “chuyển mình” với sự đổi mới toàn diện, phát triển và hội nhập; đó còn là tiếng nói tự chữa lành, là thanh âm của cuộc sống tinh thần, của tư tưởng và tình cảm cá nhân ở con người thời đại mới. Nắm bắt tinh thần ấy, với thơ Quảng Ngãi, bên cạnh đề tài chính viết về chiến tranh, lịch sử dân tộc, về thiên nhiên quê hương đất nước, thơ ca giai đoạn sau năm 1975 đến nay cũng nhanh chóng tiếp cận, chiếm lĩnh đề tài đời tư, thể sự trong khung cảnh thời bình với tính chất đa chiều và phức tạp của nó. Đây chính là những tiền đề quan trọng định hình nên thế giới cái tôi trữ tình trong thơ với các xu hướng cụ thể, biểu hiện rõ nét nhất là: cái tôi đi tìm bản ngã và cái tôi bình dị, đời thường.

Ở bài viết này, chúng tôi đi sâu khám phá hai biểu hiện ấy của cái tôi trữ tình như một đặc điểm nổi bật của thơ Quảng Ngãi bằng cách khảo sát các tác giả, tác phẩm tiêu biểu có nhiều đóng góp cho trang thơ địa phương trong chặng đường 50 năm qua (giai đoạn từ 1975 đến nay). Trên cơ sở đó, bài viết đi đến khẳng định: sự vận động phức tạp nhưng thống nhất của cái tôi trữ tình đã tạo nên sức sống, chiều sâu và giá trị riêng cho thơ ca Quảng Ngãi trong nền văn học Việt Nam hiện đại.

2. NỘI DUNG

2.1. Cái tôi đi tìm bản ngã

Hậu chiến và những năm tháng của thời kỳ Đổi mới đã mang đến một sự giải phóng sâu sắc về tư duy, thúc đẩy cái tôi cá nhân trỗi dậy. Không còn chỉ là người phát ngôn cho cộng đồng hay lý tưởng lớn, các nhà thơ bắt đầu hành trình hướng nội đầy phức tạp để tự vấn, khám phá chiều sâu nội tâm và đi tìm định nghĩa về bản thân trong một thế giới đầy biến động.

Nếu trước năm 1975, thơ ca tập trung phản ánh chân dung thế hệ, nhất là thế hệ chống Mỹ cứu nước thì sau 1975, từ chân dung thế hệ, thơ ca chuyển dần sang chân dung tự họa. Đó là khi cái tôi đã tự ý thức, cái tôi biết chiêm nghiệm, luôn tự mình đối diện với chính mình. Một trạng thái muốn tách mình ra khỏi thế giới để được thấy mình, để nhận ra cái tôi của mình rõ nhất – cái tôi đi tìm bản ngã. Đúng như nhà lý luận M. Bakhtin từng khẳng định “tôi muốn trở thành tôi nghĩa là tôi chiếm lĩnh một lập trường giá trị giữa đời. Sống nghĩa là chiếm lĩnh một lập trường giá trị” [8]. Hành trình đi tìm bản ngã trong thơ Quảng Ngãi sau năm 1975 chính là biểu hiện sinh động cho quá trình chiếm lĩnh “một lập trường giá trị” như thế. Khi thế giới cái tôi ở giữa cuộc sống hòa bình dù có vẻ bình yên nhưng vẫn ẩn chứa nhiều bi kịch, bão dông, giằng xé và tranh đấu với nhiều sắc thái phức tạp. “Thế giới cái tôi, như vậy, có bao giờ lặng im. Cái tôi là một sự lựa chọn” [8]. Chính bởi thế, motif đi tìm bản ngã trở thành motif chứa đựng khát vọng tự khẳng định mình, định vị giá trị cá thể - một kiểu cái tôi

cá nhân vốn đã xuất hiện nhiều trong thơ ca hiện đại nói chung và trong thơ Quảng Ngãi nói riêng.

Lật giở trang thơ của nhiều tác giả từ sau năm 1975, trong đó có Thanh Thảo, ta mới cảm nhận rõ nét: hành trình đi tìm bản ngã thường bắt đầu bằng một cái tôi hoài nghi, chất vấn. Cái tôi ấy không chấp nhận thực tại một cách bằng phẳng, mà luôn lật đi lật lại vấn đề, đối thoại quyết liệt với thời đại, với chính bản thể mình. Dường như khi những giá trị cũ đã không còn đủ sức neo giữ và những giá trị mới còn đang trong quá trình định hình, giữa trắng – đen, sai – đúng... thì cái tôi cảm thấy chênh vênh, buộc phải cất lên tiếng nói chất vấn, bộc lộ sự hoài nghi về khả năng thấu hiểu trước con người và cuộc đời rộng lớn: "Những người tôi quen biết/ những người tôi chưa một lần gặp mặt/ Mỗi cuộc đời như quyển sách mở ra/ Không tài nào ta đọc xong trang chót" (*Những người đi tới biển*, Thanh Thảo). Đôi khi lại là một cuộc tranh đấu, vật vã kiếm tìm trong chiều sâu tư tưởng: "... đã trộn trong ta hàng ngàn số phận/ như bột nhào như vôi vữa/ mong một ngày hiện rõ/ chất thật mỗi con người/ lặng yên trên bề mặt/ gào thét dưới chiều sâu/ hiểu những giới hạn/ và khoảnh khắc/ một thành hai thành ba thành vô số " (*Đêm trên cát*, Thanh Thảo). Có thể nói, cái tôi ấy trong sự hỗn mang của giá trị cũ và mới đã không ngừng đấu tranh để tìm ra một điểm tựa, một lẽ sống cho chính mình. Đó cũng chính là hành trình của sự vỡ lẽ và tái tạo "chất thật mỗi con người", nơi mỗi chất vấn không chỉ là sự hoài nghi mà còn là bước đệm để định hình một bản thể chân thật, bền vững hơn giữa dòng xoáy vô định của cuộc đời.

Đến với trang thơ của Nguyễn Xuân Dũng, tâm thế chất vấn này tiếp tục được thể hiện qua những câu hỏi day dứt về các giá trị: "Anh tìm gì giữa thế giới khó gọi tên/ Mỗi đúng sai, dở hay, giàu nghèo... lẫn ranh rất mỏng/.../ Anh tìm gì giữa thế giới tám tỷ dân/ những người yêu thương/ Cứ lần lượt/ Rồi xa anh mãi mãi..." (*Anh tìm gì*, Nguyễn Xuân Dũng). Câu hỏi ở đây không chỉ hướng ra thế giới rộng lớn mà còn xoáy sâu vào thế giới nội tâm, phản ánh một sự lạc lõng, mất phương hướng, một nhu cầu định vị lại hệ giá trị trong một xã hội mà mọi "lằn ranh" đã trở nên mong manh, dễ gãy. Điệp khúc "anh tìm gì" lặp đi lặp lại như chứa đựng cả bất lực và đau đớn của cái tôi trước quy luật vô thường của cuộc đời, khi mà những mối liên kết tình cảm, những điểm tựa tinh thần - "những người yêu thương" - đã dần "rời xa mãi mãi". Để rồi, cũng chính cái tôi ấy, sau cùng, có khi lại vỡ lẽ ra sự nhỏ bé của mình trước những vô biên: "Tôi chợt thấy mình như chú bé con chân trần trên cát/ Chạy về phía vô biên/ Phía của những con sóng bạc đầu hoang hoải gió/ Hồn nhiên như cây cỏ giữa đất trời." (*Tôi giờ...*, Nguyễn Xuân Dũng). Hành trình chất vấn lớn lao cuối cùng lại trở về với một sự chấp nhận, một khao khát giản dị, ấy là được hòa mình vào bầu trời tự do, yên bình một cách hồn nhiên, lặng lẽ.

Có thể thấy, trước những biến động của thời cuộc, các nhà thơ Quảng Ngãi đã góp phần minh chứng cho hành trình đi từ cái tôi hòa nhập vào cái chung của dân tộc, của cộng đồng, của chiến công và sự hy sinh gắn liền với giọng điệu hào sảng, ngợi ca

đến cái tôi hướng nội, suy tư, trăn trở về các vấn đề xã hội, về thân phận con người trong chất giọng trầm trầm, nhiều suy tư, chất vấn, hoài nghi và day dứt. Một hệ quả tất yếu của hành trình ấy thường dẫn đến cái tôi cô đơn, lạc lõng - một trạng thái tâm lý đặc trưng của con người hiện đại. Bởi lẽ, khi những mối liên kết cộng đồng kiểu cũ lỏng lẻo, khi con người bị ném vào guồng quay của xã hội thị trường, trước những xô bồ của đám đông thì cái tôi mang cảm giác cô đơn đã trở thành một trải nghiệm phổ biến: "Tôi đi tìm tôi/ Cái thời vụng thương trộm nhớ/ Gặp nụ cười trong giấc mơ hoang/ Nỗi nhớ hoài thai trong trái tim chật lối/ Tôi với tay tìm/ Chạm nỗi cô đơn" (*Tìm*, Sơn Trần). Nhà thơ Mai Bá Ẩn cũng đã thể hiện sâu sắc tâm thế này qua hình ảnh ẩn dụ trong bài thơ *Lạc nẻo về*: "Lạc bầy/ nước mắt rung rung/ tiếng kêu như tắt lửa nửa chừng/ tái tê/ Đành thôi/ lạc mất đường về/ chân cô độc giữa bộn bề phố đông/ rống to giải ải uất lòng/ gào lên một tiếng giữa mệnh mông người/ Tôi/ con nai lạc người oi/ bước thơ ngơ ngác giữa đời tịch liêu". Rơi vào trạng thái lạc lõng, cô độc ngay giữa loài người, cái tôi ấy đã chủ động đối diện với âm thanh của chính mình mà "rống to", "gào lên một tiếng" như một sự nỗ lực để tự trả lời cho câu hỏi "Tôi là ai? Tôi ở đâu?" giữa mệnh mông biển người. Ý thơ đa nghĩa cũng có thể được đón nhận bằng một cách cảm nhận khác, rằng: cái tôi trữ tình ở đây không còn là chủ thể hào sảng, làm chủ cuộc đời, mà đó là một sinh thể bé nhỏ, yếu đuối, một "con nai lạc" ngơ ngác giữa "bộn bề phố đông". Sự cô đơn hiện hữu nhưng không bị lụy mà đã mang tầm vóc của một bi kịch hiện sinh. Hành động "rống to", "gào lên một tiếng" không phải là biểu hiện của sức mạnh mà đó là sự phản kháng trong cô đơn tuyệt vọng, một nỗ lực cuối cùng để định vị bản thân trước nguy cơ bị đám đông nhấn chìm, bị ẩn danh hóa.

Bàn về thế giới trữ tình trong thơ, nhà nghiên cứu Trần Đình Sử đã từng dẫn lời: "Thơ trữ tình là phương tiện để con người tự khẳng định bản chất tinh thần của mình so với tồn tại vật chất, là phương tiện để tự đồng nhất mình, xây dựng hình tượng về mình, xác định ý chí, chí hướng, lập trường giá trị của mình trước cuộc sống, đồng thời là phương tiện để xây dựng thế giới tinh thần phong phú cho con người. Nói tóm lại, thơ trữ tình với tư cách là sự biểu hiện của cái tôi, là phương tiện để con người cảm thấy sự tồn tại của mình. Cái tôi trong thơ nâng con người lên cao hơn tồn tại trực tiếp, hướng nó về lý tưởng, là cái cầu nối giữa vô thức với hữu thức" [8]. Quả thật vậy, trên hành trình đi tìm bản ngã, đôi khi, cái tôi đã chạm đến cả những tầng vô thức, những trạng thái tâm lý bất định, đứng trên lằn ranh mong manh của sự tỉnh táo: "Có lúc/ không uống mà say/ như thể mình không trọng lượng/ trôi bèo bọt trên đường/.../ có lúc muốn gào thét điên cuồng/ muốn đập đổ cái lù lù trước mặt/.../ lạ là mình sao chưa hoá điên" (*Tự bạch*, Nguyễn Tấn Huy). Đây là sự khám phá những tầng sâu tâm lý bất ổn của con người khi đối diện với những áp lực của cuộc sống, một sự tự bạch táo bạo về những góc tối, những trạng thái phi lý trí mà con người vẫn thường che giấu, khuất lấp sau cái vỏ bọc của hình thể, của nụ cười, của những tiếng xã giao

trong các mối quan hệ. Vô hình chung, cái tôi đã tự trói buộc trong nỗi cô đơn của riêng mình, tự vấn và tự giải mã để rồi vỡ lẽ biết bao điều phải dạy dút, ăn năn, hối hận.

Từ hữu thức bước vào vô thức còn bởi thế giới ấy chứa đựng cả những cái tôi cô đơn đến tội nghiệp, cái tôi chất chứa khát vọng được vẹn tròn, được yêu thương đủ đầy: “Con khao khát hoá thân muôn nguồn sáng/ Chỉ mong tìm một khoảnh khắc yêu thương.../ Dẫu biết tử sinh cát bụi vô thường/ Sáu tí người – sáu tí ngôi sao lẻ/ Con vẫn cầu kiếp lai sinh cha mẹ/ Lại cùng con chung một cõi đi về” (*Nghiêng nắng thấp đèn*, Nguyễn Ngọc Hưng). Cũng có khi, cái tôi chủ động tìm vào sâu thẳm chiêm bao để tìm kiếm câu trả lời cho những triết lí cuộc đời: “Ngủ rồi sao những bước chân độc hành?/ Để dòng người giẫm mãi lên cỏ xanh/ mà thành đường đến thiên thu ngàn dặm.../ Em đốt nỗi buồn thành những giấc mơ/ những giấc mơ loài người trần trụi/ những giấc mơ thiên thanh” (*Ngoài quy luật*, Bùi Thị Thương),... Đó là những biểu hiện cho thấy sự mở rộng biên độ của cái tôi trữ tình, không chỉ là cái tôi của ý thức mà còn là cái tôi của vô thức, của những ẩn ức sâu kín trong mỗi cá nhân trước hiện thực cuộc sống.

Đối diện với một hiện tại đầy hoài nghi, nhiều cái tôi trữ tình đã lựa chọn thực hiện cuộc hành trình ngược về quá khứ, tìm về ký ức như một phương cách để tìm lại gốc rễ và định vị bản thân mình. Cái tôi hoài niệm trong thơ Quảng Ngãi trở thành một cuộc “hành hương” về miền sâu thẳm của tâm hồn để được thấu rõ mình như trong thơ của Hà Hương Sơn: “Đời tôi là cát/ một hạt cát phát sáng ánh kim/ trong muôn vàn hạt cát/ hạt cát, tôi đã thấy/ khi mặt trời vừa hé mở/ và vẫn lóng lánh đáng đáp nguyên sơ/ khi bóng nắng đã cuối cùng/ hình hài phát sáng/ ngự trị trong tim tôi/ từ khi tôi mới cất tiếng khóc/ chào đời.../ Cát là tôi như thế/ chính tôi là cát/ trong bóng râm thân tôi/ lặng im và bất tử” (*Cát*). Hay như khoảng nắng tuổi thơ tìm lại chính mình nơi chốn bình yên: “Kéo nhau ra biển thả diều/ Chơi trò đánh đáo nắng chiều dần xa/ Ta về tìm lại chính ta/ Nơi hồn quê mẹ quê cha ấm tình” (*Hồn quê*, Trương Bình). Và có khi là khoảng sâu lắng của hành trình “tôi tìm lại tôi” trong miền kí ức: “Tôi về tìm lại tôi xưa/ Tìm trong sắc nắng hương đưa nồng nàn.../ Tìm trong lục bát quê hương/ Dáng cha, bóng mẹ hai sương sớm chiều.../ Tôi tìm tôi những mai sau/ Ngẫm ra tựa giấc mộng màu thời gian” (*Tôi tìm tôi xưa*, Vũ Duyên). Ý niệm về hành trình từ “tôi xưa” đến “tôi những mai sau” là biểu hiện của một cái tôi tự ý thức sâu sắc về cuộc tìm kiếm chính mình. Sự tìm kiếm ấy không phải là một sự níu kéo, mà là một sự trở về đầy ấp tình yêu thương và lòng biết ơn, một sự kết nối với cội nguồn, với những gì đã định hình nên nhân cách ban đầu của mỗi người. Rõ ràng, cuộc “hành hương” về miền sâu thẳm của tâm hồn không chỉ là sự chiêm nghiệm về quá khứ mà còn là hành trình đi tìm ý nghĩa của sự tồn tại. Đó là một cuộc tìm kiếm không ngừng nghỉ, một sự chiêm nghiệm liên tục về bản chất con người và cuộc đời trước dòng chảy của thời gian.

Ở một góc nhìn khác, nhà thơ Phạm Dương lại thực hiện một cuộc "chạy về quá khứ" đầy ám ảnh: "ký ức mở cho tôi con đường chạy về quá khứ/.../ cậu bé trong tôi cuồn chân cứ chạy/ chạy về ngày xưa tuổi thiếu niên nửa chừng/ phải nghỉ học/ đánh cuộc đời mình bằng củ sắn củ khoai" (*Có những đêm lại là ngày*). Cái tôi ở đây là sự chồng xếp của nhiều lớp thời gian khi cái tôi của hiện tại đối thoại với cái tôi của quá khứ trong chuỗi kí ức tuổi thơ cơ cực, thiếu thốn. Hình ảnh "cậu bé trong tôi cuồn chân cứ chạy" là một chi tiết nhiều sức gợi, thể hiện sự thôi thúc mạnh mẽ, một khao khát nội tại không thể kiềm chế được để tìm về kí ức sâu thẳm. Từ "cuồn chân" đã gợi tả sự vội vã, cấp bách, thậm chí là một nỗi đau đáu, dằn vặt khiến nhân vật không thể đứng yên mà như phải lao đi. Cuộc "chạy về quá khứ" của Phạm Dương rõ ràng không phải để tìm về tuổi thơ êm đềm, tìm lại niềm vui hay sự bình yên mà là để đối diện với những vết sẹo, những mất mát khổ đau, để chất vấn trực diện về gánh nặng cơm áo đã đè nén, đã tước đi quyền được sống trọn vẹn tuổi thơ của cả một thế hệ. Cuộc hành trình ấy vì thế đã trở thành một lời nhắc nhở đau đáu về những giá trị cốt lõi vốn đã bị đánh đổi trong quá khứ để hình thành nên con người hiện tại: "'bụi thời gian có nhoe nhưng vẫn còn hình hài/ cốt yếu/ Tôi không được phép quên ngày xưa dù là/ điều nhỏ nhất/ mà cứ xem như kỷ vật thời gian trong hành/ trình mình sống/ nhắc nhở mình không để phôi phai'" (*Có những đêm lại là ngày*, Phạm Dương). Một lời nhắc nhở "không được phép quên" như thế là sự kết đọng của những ám ảnh trần trụi, những chất vấn giàu chất triết lí, những suy tư, trăn trở nhiều chiều trong cả hành trình sống của cái tôi trữ tình. Đó cũng là đặc điểm trong nhiều bài thơ khác của Phạm Dương khi cái tôi trực diện trước những thay đổi của xã hội, trước sự phát triển nhanh chóng của thời đại công nghệ số, về những giá trị mới được hình thành, và những giá trị cũ dần bị lãng quên.

Đồng điệu với tác giả Phạm Dương, cái tôi trữ tình trong thơ Phạm Dũng lại thấm đượm bi kịch của cái tôi hoài niệm. Nhà thơ đã tự ví mình như một "con thú hoang" tìm về chốn cũ để nương náu: "Như con thú hoang tôi chạy về làng/ Nằm ép mình dưới bóng tre mát rượi" (*Làng*). Hình ảnh so sánh ấy gợi lên một cái tôi đã bị tổn thương, xa lạ với xã hội hiện tại, tìm về "làng" như một nơi trú ẩn cuối cùng của tâm hồn. Và cứ thế, "cuộc rong chơi" về miền kí ức với bao hoài niệm tuổi thơ, bao hạnh phúc và nỗi tiếc về một thời đã xa lại trở thành một chốn tự tình riêng tôi của tác giả. Nhưng bi kịch lại xảy ra khi chính nơi nương náu tâm hồn đó cũng dần biến dạng, không còn là chính nó: "Tôi biết lắm rồi làng sẽ mất/ Tôi con thú hoang ẩn náu nơi nào/ Khi tâm hồn thành hoang mạc cần khô" (*Làng*). Sự kiếm tìm bản ngã qua hoài niệm vì thế trở nên gian nan và tuyệt vọng hơn. Khi cội nguồn bị lung lay, cái tôi hoàn toàn mất đi điểm tựa, trở thành một "hoang mạc" nội tâm giữa bao bộn bề của cuộc sống.

Dẫu vậy, ngay cả trong hành trình kiếm tìm đầy gian nan, thơ Quảng Ngãi vẫn ánh lên một cái tôi giàu niềm tin và khát vọng. Cái tôi ấy rạo rực với đời, tự tin chạm vào cuộc sống với tất cả tin yêu và bản lĩnh của con người thời đại mới: "Thấp một

niềm tin một ước mơ/ Xâu chuỗi thời gian/ Ngược vòng quay số phận/ Ta tìm ta/ Bản ngã riêng mình/ Có mùa xuân nào hoa lại chẳng lung linh!!!" (*Xâu chuỗi thời gian*, Hạnh Nhi). Cái tôi ấy đã biết tìm lấy những điểm tựa vững chắc để neo đậu tâm hồn giữa bao nhiêu bộn bề, xáo trộn. Đó có thể là gia đình, là tình yêu, là lí tưởng, là niềm đam mê riêng mình về một lĩnh vực nào đó, là những chuyến đi xa để kiếm tìm sự an yên, tĩnh lặng... Và ta cũng bắt gặp những cái tôi biết tìm đến với nghệ thuật, xem nghệ thuật là một cứu cánh đầy may mắn khiến cõi lòng yên định ngay giữa biết bao xúc cảm thăng hoa như Phạm Dương đã từng cảm nhận: "cũng may là còn có thơ/ để anh tát cạn vui buồn trần thế/ trong mơ gặp một con bò/ bình yên gặm cỏ..." (*Cũng may là còn*, Phạm Dương). Tác giả Lê Hoài Lương đã từng nhận xét: "Với Phạm Dương, thơ là một hành trình nhận thức. Cảm xúc chỉ là phút "mềm lòng" hoặc khoái trá "tìm thấy" mình trong chuỗi tư biện; nó thường mang vẻ tinh quái hoặc ẩn trong cách biểu hiện nhiều khi gây gổ, hoặc hóm hỉnh, bụi bặm. Một ẩn giấu để tồn tại và cũng thành giọng điệu cho thơ" [5]. Thật vậy, sau tất cả những vật vờ, trăn trở, cái tôi trong thơ Phạm Dương như tìm thấy một nơi trú ẩn an toàn và bình yên. Thơ ca không giải quyết được mọi vấn đề của thực tại, nhưng nó là không gian để "tát cạn vui buồn", để thanh lọc tâm hồn. "Cũng may là còn có thơ" thể hiện một sự an ủi nhẹ nhõm, khiêm tốn. Và hình ảnh "con bò bình yên gặm cỏ" như trở thành một biểu tượng cho sự an nhiên, tự tại, một trạng thái nguyên sơ mà cái tôi khao khát đạt được thông qua hành trình sáng tạo nghệ thuật.

Như vậy, hành trình đi tìm bản ngã của cái tôi trữ tình trong thơ Quảng Ngãi giai đoạn sau năm 1975 là một chuỗi vận động phức tạp. Dường như, trong một thế giới không yên định thì thơ ca lại mở ra những thế giới trữ tình phong phú, những cái tôi nhạy cảm, luôn vận động, giằng xé để tự ý thức và kiến tạo nên ý nghĩa cho sự tồn tại của chính mình. Hành trình ấy như thể đánh dấu một bước trưởng thành sâu sắc của thơ ca Quảng Ngãi trong quá trình hiện đại hóa văn học nghệ thuật của thời đại mới.

2.2. Cái tôi hướng đến những giá trị đời thường

Thơ sau năm 1975 mang chất trữ tình thế sự. Chất trữ tình thế sự này xuất phát từ nhu cầu nâng cao vẻ đẹp trí tuệ và chất hiện thực trong thơ, nhưng chủ yếu xuất phát từ những nguồn cảm xúc, những trải nghiệm của nhà thơ trước cuộc sống mới. Do vậy, cái tôi trữ tình trong thơ cũng chính là hiện thân của cảm xúc cá thể trong sự hoà điệu, gắn bó, tình tự với chính con người và sự vật xung quanh. Song hành cùng hành trình đi tìm bản ngã đầy ưu tư, thơ Quảng Ngãi sau năm 1975 đã ghi nhận sự hiện diện đậm nét của một kiểu cái tôi thế sự: Cái tôi bình dị, đời thường.

Cái tôi bình dị đời thường là tiếng nói trữ tình của nhà thơ (chủ thể trữ tình), nhưng không phải là tiếng nói mang tầm vóc anh hùng, sử thi, triết lý cao siêu hay đại diện cho cả một thế hệ. Thay vào đó, nó là tiếng nói của một cá nhân với những tâm tư,

tình cảm, những rung động, suy ngẫm được khơi nguồn từ chính những điều nhỏ bé, gần gũi trong cuộc sống hàng ngày. Một tiếng mưa rơi, một bông hoa chóng nở, một giọt nắng chiều, một chiếc lá vàng rơi hay một làn gió thu mát,... đều hiện hữu trong thơ với tất cả tình yêu và sự thồn thức của cái tôi trữ tình tinh tế, nhạy cảm trước muôn vàn cái đẹp của thế giới tự nhiên: “Mon man/ Lộc biếc đầm chồi/ Giọt trời ươm kén/ Đêm phơi thai ngày” (*Khúc giao thừa*, Trịnh Hoàng Thân); “Đêm dạ hương thom quá/ Lạnh cong cành heo may” (*Rượu rừng*, Nguyễn Tấn On),... Cái đẹp tuy giản dị, đơn sơ nhưng ngồn ngộn sức sống. Với người nghệ sĩ, không một ai có thể lặng yên tâm hồn trước cái đẹp giản đơn ấy trong sự sống quanh mình.

Người Quảng Ngãi vốn rất tự hào trước vẻ đẹp mỹ miều, trù phú của quê hương mình. Có lẽ thế nên các nhà thơ xứ này vẫn luôn tìm thấy mạch nguồn cảm xúc trong những gì đẹp đẽ nhất của miền quê, xứ sở. Ở đó, cái tôi đắm đuối, si mê trước vẻ đẹp nguyên sơ của dòng sông Trà lấp lánh ánh trăng, của triền sông Vệ mùa thom hoa nở: “Đêm cong mình trăng nồn run run/ Giọt giọt rót bên thềm đá cũ/ Lục lạo ngôi nhà quá khứ/ Bờ xưa ngõ cỏ xa lòng/ Ta thêm mùi sữa ngô non/ triền sông Vệ mùa thom áo mới” (*Bờ xưa*, Nguyễn Tấn Hải); của bãi cát vàng với tấm lưới giăng, của những chiếc tàu khơi xa giữa biển xanh sóng vỗ, của niềm vui khi mùa cá gọi: “Ơi bãi cát, cây sào và tấm lưới giăng phơi/ Con tàu lớn, những đêm vui mùa cá/ Có nhớ người xưa chiếc lưới câu bằng đá/ Cuộc sống vẫn tươi ròn trên mỗi nét hoa văn” (*Quê cát*, Trần Cao Duyên)... Phải chăng, chính cái dáng quê trong làn sương bàng bạc và nét đẹp đầy sức quyến rũ của đồng quê, cùng mùi vị mặn mòi của biển đã hoà quyện thành giai điệu quê hương Quảng Ngãi, khiến cho cái tôi giàu cảm xúc, yêu thiên nhiên, tha thiết tình quê cứ thế mà ấp ủ, mà trỗi dậy, sống mãi trong thơ.

Một trong những biểu hiện rõ nét và ám áp nhất của cái tôi bình dị, đời thường là sự neo đậu vào tình cảm gia đình và hơi ấm quê hương. Giữa bao bộn bề, cái tôi nhà thơ vẫn luôn hướng về cội nguồn, về những hình ảnh thân thương nhất để tìm thấy dư vang của bao giá trị nhân sinh cốt lõi: “Bữa cơm nghèo có chi đâu/ Chén mắm cua với đĩa rau tập tàng/ Dũa tre, bát đất tuềnh toàng/ Mà ngon miệng, mà cao sang lạ thường” (*Rau tập tàng*, Trần Hoài Hà). Cuộc sống dẫu đổi thay đến mấy, giàu sang hay nghèo khó thì một bữa cơm quê vẫn luôn nồng ấm cảm xúc; giá trị tinh thần “cao sang” của nguồn cội vẫn luôn bền vững, vẫn là chân giá trị không bao giờ thay đổi. Từ đó, mỗi cá nhân tự ý thức được giá trị sống đích thực, tìm thấy giá trị bản thể trong những hành động nhỏ bé, đời thường: “Thưa cha, nước đã ấm rồi/ Dậy đi cha! Con đang ngồi kê bên/ Chẳng cao sang chỉ liếp phen/ Vẫn che kín gió. Vẫn thên thên tình” (*Tắm cho cha*, Bùi Huyền Tương). Tình cảm gia đình, tình mẹ cha, lòng hiếu thảo, ân nghĩa trước sau là khởi nguồn cho hành trình sống nhân văn, tử tế, biết yêu thương, đồng cảm và sẻ chia. Không một ai có thể khước từ, chối bỏ nguồn cội dù phải sương gió, thăng trầm khắp chốn, muôn phương. Có chăng bởi thế mà miền thơ Quảng Ngãi đã ấp dưỡng biết bao cái tôi nghĩa tình, gắn bó thủy chung với quê hương xóm làng, với

người dân quê chân chất, với ruộng đồng, bãi mía, bãi dâu: “Bát com ấm áp nghĩa làng/ Từ đôi tay mẹ giần sàng sớm khuya/ Bốn mùa/ Mưa nắng sẻ chia/ Đông đầy trong những nong nia/ Phận người/ Cho con tròn trịa nụ cười/ Bước vào dài rộng cuộc đời yêu thương” (*Con quỳ lay đất thơm lừng*, Mạc Trường Thiên). Xã hội phát triển vượt bậc, công nghệ số đã chiếm lĩnh trên mọi phương diện và ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống con người. Thế nhưng cái tôi hồn hậu, chất phác đậm chất Quảng vẫn sống và hiển hiện trong thơ: “Giọng cha thuốc lá thuốc Lào/ Tiếng khàn tiếng đục hanh hao gió mùa/ .../ Nghẹn ngào húp chén canh sông/ Nhớ mùi rau mít cá chuồn mẹ đun” (*Lời ru gió mùa*, Nguyễn Ngọc Hưng),... Và cứ thế, cái tôi trữ tình đậm đà, ấm áp tình quê, tình thân, tình người vẫn luôn được dịu dặt trong từng con chữ của nhiều thế hệ nhà thơ xứ Quảng.

Không dừng lại ở đó, cái tôi bình dị, đời thường cũng sống động biết bao khi vấn vương, neo đậu trong những vần thơ tình cháy bỏng. Cái tôi dù nhỏ bé chừng nào trước cuộc đời rộng lớn thì khi đối diện với nửa yêu thương, trái tim vẫn luôn mãnh liệt, dâng tràn cảm xúc: “Lại gần bên anh và hát/ Em hiền như ngày hoang sơ/ Chẳng lựa là xiêm áo mỏng/ Làm anh say đắm bất ngờ/.../ Lại gần bên anh em nhé!/ Lạnh lòng sẽ hết lo chi/ Lỡ mai ngày dài ngắn lại/ Yêu anh, yêu thật nhiều đi! (Lỡ, Nguyễn Thị Thu); “Anh ngập ngừng một thoáng bên em/ Một nụ hôn thôi, dường như đêm ngừng lại/ Em thành hoa xấu hổ/Lá khép vào giấu nỗi đắm say” (*Hoa xấu hổ*, Vũ Thị Thanh),... Tình yêu vốn đẹp để biết bao, nhưng khi ẩn mình trong những trái tim đa cảm, đa sầu của phái nữ, tình yêu ấy càng trở nên vi diệu, thiết tha và rạo rực. Thơ tình xứ Quảng đã dung chứa trọn vẹn mọi cung bậc cảm xúc nhớ nhung, thương yêu như bản chất vốn có của nó. Ngay cả tình yêu nhục thể cũng được cảm nhận và mô tả chân thật trong những cái tôi trần trụi nhiều khát vọng: “Lửa liếm ngực trần em/ Ngực rên cọ ngực/ Anh và em rú nhau khóc/ Hương lại sự thật vị đời” (Đinh Xăng Hiền). Đối diện với những tơ rung cảm xúc trong tình yêu, ai đó xốn xang, ai đó tự ru mình, ai đó buồn vương cô đơn, ai đó khổ đau ly biệt,... đó là tự nhiên, nguyên sơ không có gì có thể lí giải. Để rồi, cái tôi muôn sắc điệu cứ thế mà ẩn mình vào thơ, xem thơ như cứu cánh cho những giây phút vỡ tan trái tim hay bùng lên nỗi nhớ. Tất cả cảm xúc yêu như được trải ra, tròn đầy, lặng yên và sâu lắng.

Một biểu hiện sinh động khác là cái tôi chiêm nghiệm được vẻ đẹp và sức mạnh từ những điều nhỏ bé, đơn sơ trong cuộc sống. Nguyễn Ngọc Hưng là hiện thân tiêu biểu cho kiểu cái tôi này. Vượt lên trên nghịch cảnh của bản thân, cái tôi trong thơ ông là một cái tôi trong trẻo, nhân hậu, luôn mở lòng đón nhận và biết ơn cuộc đời. Ông không đi tìm những điều lớn lao mà tìm thấy sự cứu rỗi trong những ân tình bình dị nhất, trong những miền xanh thẳm của tiếng thơ dành cho thiếu nhi: “Doi hù trái ổi ngủ mê/ Thả tay rơi bịch/ Dãi dề hương thơm” (*Với trăng*); “Mỗi khi đi học về/ Thấy nội ngồi im lặng/ Được điểm mười cháu khoe/ Nội cười rung tóc trắng” (*Bà nội*)... Nếu thơ viết cho người lớn thường mang nặng nỗi niềm suy tư, là sự kết đọng của nỗi đau, là

chiêm nghiệm triết lí thì thơ thiếu nhi là một thế giới hoàn toàn trong trẻo, tinh khôi. Thơ cho thiếu nhi đã trở thành cứu cánh tâm hồn, để yêu và để trân quý sự sống. Có lẽ vì cái tôi của tác giả vẫn luôn tìm thấy niềm vui trong tiếng chim hót, trong màu xanh của cỏ, biến những điều tưởng chừng như vô tri thành một nguồn sức mạnh tinh thần lớn lao. Với cái tôi ấy, hạnh phúc và ý nghĩa cuộc sống quả thật đã được tìm thấy ngay trong những khoảnh khắc đời thường nhất, qua lăng kính của một tâm hồn tinh tế và giàu lòng trắc ẩn. Ta cũng bắt gặp ý niệm kiểu cái tôi này trong thơ của nhiều cây bút khác như: “Khi đôi gót không còn trên bục giảng/ Tôi mong manh chực vỡ giữa đời/ Tiếng trống trường âm vang vọng lại/ Len lỏi tận cùng – Nâng hồn tôi lên” (*Đêm đêm*, Nga Ri Vê)... hay như trong những vần thơ hoài niệm về mái trường, thầy cô, bè bạn, về một thời tuổi trẻ nhiều ước mơ và khát vọng. Tuổi học trò, màu áo trắng – một thời kỉ niệm mãi vẹn nguyên như cơn gió mát lành xưa tan khói bụi đời thường, để tâm hồn được an ủi, bình yên: “Tất cả đều là vô giá/ và trở thành hành trang/ cho dù đó là cánh phượng khô/ tím bầm” (*Cổ vật tuổi học trò*, Mai Bá Ẩn). Có thể thấy cái tôi bình dị, đời thường trong thơ không hề nhỏ bé, tầm thường. Ngược lại, đó là một cái tôi luôn tìm thấy sự lớn lao trong những điều giản đơn, khám phá ra ý nghĩa và vẻ đẹp, tìm thấy bình yên và hạnh phúc ngay chính trong những gì gần gũi, thân thuộc nhất của cuộc sống. Cái tôi ấy là cái tôi của một con người bình thường, đang sống, đang yêu, đang buồn vui với những gì diễn ra xung quanh mình. Rất chân thật, cũng vô cùng tha thiết!

Bên cạnh đó, trong bối cảnh xã hội có nhiều đổi thay, khi cái tôi trữ tình của thơ đứng vào vị trí con người đời thường để quan sát, chiêm nghiệm, tìm kiếm những điểm tựa nhân sinh bền vững thì cũng là lúc, cái tôi ấy biết ghen ngạo, xót xa trước nhiều thay đổi tiêu cực của thế cuộc, trước sức mạnh ghê gớm của đồng tiền: “Tiền là cái giá vừa nghiêng/ Khi làm trụ chống trời/ Ta chạy trào hơi/ Ngồi ngồi đủ thiếu” (*Cõi chày oi*, Nguyễn Qua Trùng). Cái tôi ấy từ đó, đã sống dậy với những cảm xúc chân thật, không tô vẽ, không cường điệu, không giấu diếm mà sẵn sàng đối diện, phản chiếu một cách chân thực và gai góc không khí của “một thời nhà chật”: “Mười năm ở nhà chật/ tí tách máy chữ lẫn tiếng khóc trẻ con/ xoay bên nào cũng gặp giường/ quờ đầu cũng gặp vách/.../ mười năm ở nhà chật/ lúc nào cũng canh cánh bên lòng/ không biết đêm nay có thằng bạn nào say rượu xin ngủ nhờ không?” (*Mười năm ở nhà chật*, Phạm Dương). Ở đây, cái tôi không triết luận cao xa mà bám riết lấy hiện thực, tìm thấy chất thơ ngay trong những gì bức bối, ngột ngạt nhất của cuộc sống. Nó cho thấy một cái nhìn đầy chia sẻ và thấu hiểu với những thân phận đời thường, không thi vị hóa mà cũng không bi kịch hóa, chỉ đơn giản là ghi lại sự thật của một giai đoạn mà bao nhiêu người đã trải qua trong vật vã, nhọc nhằn. Có lẽ đó cũng là tâm thế đối diện hiện thực của cái tôi đời thường trong dòng chảy thơ ca đương đại.

Với kiểu cái tôi bình dị, đời thường, tình cảm trong thơ không gồng mình để trở nên vĩ đại. Nó là nỗi buồn man mác, niềm vui nho nhỏ, sự cô đơn thâm lặng, tình yêu đậm thắm mà gần gũi. Cảm xúc của cái tôi cá nhân vì thế đã được thể hiện một cách tự

nhân, chân thành, như một lời thủ thi, tâm tình. Và, đỉnh cao của cái tôi đời thường có lẽ là khi nó đối diện với những bi kịch cá nhân một cách chân thật nhất. Tập thơ *Hoa ngũ sắc* của Thanh Thảo, viết sau khi người vợ yêu quý qua đời, là một minh chứng lay động cho kiểu cái tôi này. Thanh Thảo, nhà thơ của những trường ca hoành tráng, của những tư tưởng lớn lao, của những vần thơ gân guốc, mạnh mẽ; giờ đây, trước sự ra đi của người vợ đã cùng ông đi qua bao nhiêu năm tháng gieo neo, túng bấn, đã cất lên tiếng nói của một người chồng - một cái tôi cá nhân đời thường, trần trụi, chống chọi trong nỗi mất mát, chia lìa: “Bỗng một ngày mờ côi vợ/ Chưa bao giờ dám nghĩ/ Đời mình lại tới bước này/ Dù không ai tránh khỏi/ Khi mất rồi mới hay/ Nỗi đau bước vào nhà mình không tiếng động/ Từ đây chỉ còn được sống/ Buồn khổ và biết ơn” (*Mồ côi*). Ông không còn là một nhà thơ triết luận mà chỉ đơn giản là một người đàn ông, một người chồng đúng nghĩa đối diện với sự trống vắng không gì bù đắp được trước sự ra đi của người bạn đời mấy mươi năm đã cùng “đầu ấp tay gối”. Nhà thơ Mai Bá Ẩn, trong bài viết về tập thơ *Hoa ngũ sắc* đã nhận ra sự đón đầu tột cùng ấy của người thi sĩ: “Đọc những câu thơ này, ta có cảm giác anh đang vừa viết vừa khóc: “nhớ hồi ăn tô bánh này/ còn chồng còn vợ đủ đầy bên nhau/ bây giờ biển biệt sông sâu/ côi nào em tới côi nào anh chưa” (*Bánh canh cá lóc*). Cái tôi lớn lao của một nhà thơ tầm cỡ giờ đây trở về với hình hài nguyên thủy nhất của một con người đang đau khổ, đang yếu đuối,... và rồi tuyệt vọng: “với anh thế là hết/ một nửa anh chưa tới hồi kết/ nhưng còn ý nghĩa gì khi mất nửa em” (*Khi một nửa em đi rồi*)” [2]. Đây chính là biểu hiện sâu sắc nhất của kiểu cái tôi đời thường, bởi nó chạm đến bi kịch phổ quát nhất của kiếp người – sự chia ly và cái chết – bằng một ngôn ngữ chân thành, không gượng ép, không lên gân, ngược lại rất đổi đầm thắm và ấm áp, như thể ấy là tiếng lòng sâu kín nhất đã được se kết bởi những con chữ của thơ ca.

Vậy nên cái tôi bình dị đời thường là một sự trở về với những gì nguyên sơ, chân thật nhất của con người. Cái tôi ấy không phải là một sự thu mình khép kín, làm thơ ca nhỏ bé đi, mà ngược lại, giúp thơ ca thấm sâu hơn vào cuộc sống, tìm thấy cái phổ quát trong những điều riêng tư và khám phá ra vẻ đẹp vô tận ẩn mình trong từng khoảnh khắc của đời người. Thơ ca vì thế đã tự khẳng định và neo đậu trong lòng người đọc những giá trị nền tảng, nhân văn nhất của cuộc sống. Đây cũng là đối trọng cần thiết với cái tôi ưu tư, kiếm tìm bản ngã để tạo nên sự cân bằng và phong phú cho diện mạo thơ Quảng Ngãi sau năm 1975.

3. KẾT LUẬN

Nhìn lại chặng đường 50 năm đi qua của thơ ca xứ Quảng, chúng ta có thể khẳng định rằng cái tôi trữ tình đã có một sự vận động đầy phức tạp nhưng vô cùng sâu sắc với nhiều trải nghiệm quý giá của thế hệ nhà thơ thời hậu chiến và trong thời Đổi mới. Những thay đổi của xã hội, của quê hương đã khiến cái tôi trữ tình không còn

đơn nhất mà tự phân thành hai thực thể: cái tôi ưu tư, trăn trở đi tìm bản ngã và cái tôi ẩn mình trong những giá trị bình dị của đời thường. Hai thực thể này tưởng như đối lập nhưng lại là sự bổ khuyết cho nhau: nếu cái tôi đi tìm bản thể ẩn chứa tâm vóc tư tưởng của thời đại khi con người đối diện nỗi cô đơn rợn ngợp để chất vấn thì cái tôi đời thường lại cứu rỗi bản thể bằng nguồn cội, tình người và những điều nhỏ bé. Tất cả đã tạo nên chất triết lý và giá trị nhân sinh rất riêng cho thơ Quảng Ngãi. Theo chúng tôi, chính hành trình chuyển mình linh hoạt của cái tôi trữ tình là minh chứng thuyết phục cho sự trưởng thành của thơ Quảng Ngãi từ sau năm 1975 đến nay. Những tên tuổi như Thanh Thảo, Mai Bá Ẩn, Nguyễn Ngọc Hưng, Phạm Dương, Sơn Trần, Hà Hương Sơn, Bùi Thị Thương,... đã không chỉ làm giàu âm sắc cho trang thơ địa phương mà còn góp phần kiến tạo diện mạo phong phú của thơ ca Việt Nam hiện đại./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Mai Bá Ẩn (2021). *Những bí mật thơ (Chân dung – Phê bình – Tiểu luận)*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2]. Mai Bá Ẩn (2024). Tác giả, tác phẩm: Thanh Thảo với tác phẩm Hoa ngũ sắc, *Báo Quảng Ngãi online*, ngày 15/6/2024, <https://baoquangngai.vn/van-hoa/van-hoc/202406/tac-gia-tac-pham-thanh-thao-voi-tac-pham-hoa-ngu-sac-d570ddd/>
- [3]. Hội Văn học nghệ thuật tỉnh Quảng Ngãi (2016). *Tuyển tập 40 năm thơ Quảng Ngãi (1975 – 2015)*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [4]. Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi (2023). *Tuyển tập 5 năm Thơ – văn xuôi – kịch – nghiên cứu, lý luận, phê bình (2018 – 2023)*, Nxb Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [5]. Lê Hoài Lương (2021). Thơ là cuộc tìm kiếm chính mình: Trường hợp Phạm Dương, *Báo Văn nghệ Bình Định*, ngày 11/9/2021, <https://vannghebinhdinh.vn/tho-la-cuoc-tim-kiem-chinh-minh-truong-hop-pham-duong/>
- [6]. Nhiều tác giả (2003). *99 bài thơ* (tuyển tập), Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.
- [7]. Nhiều tác giả (2007). *Dòng sông thao thức (thơ 2)*, Hội Văn học nghệ thuật Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.
- [8]. Trần Đình Sử (1993). Cái tôi và hình tượng trữ tình, trang *Wordpress.com*, <https://trandinhvu.wordpress.com/2024/01/25/cai-toi-va-hinh-tuong-tru-tinh-2/>

THE LYRICAL EGO IN QUANG NGAI POETRY FROM 1975 TO THE PRESENT

Tran Thi Thuong

University of Sciences, Hue University

Email: tranthithuongtkp@gmail.com

ABSTRACT

The lyrical self is a prominent feature in Quang Ngai poetry from 1975 to the present. In this article. This articles focus on exploring two main manifestations of the lyrical ego: the self in search of identity with its doubts, anxieties, questioning, loneliness, and a journey into memory; the simple, everyday self in its deep connection with nature, family affection, love, and the subtle emotions evoked by ordinary, small details of daily life. In the process of surveying and evaluating, we observe that the coexistence of these two modes of lyrical self not only reflects the profound transformations in society during the period of renovation, development, and integration but also reveals the poets' sensitivity and depth in their self-awareness and artistic sensibility from Quang Ngai. This contributes to creating a diverse, humanistic, and contemporary landscape for Quang Ngai poetry.

Keywords: Lyrical self, poetry, Quang Ngai, post - 1975, the present.



Trần Thị Thương sinh ngày 04/7/1989 tại Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị). Năm 2011, bà tốt nghiệp cử nhân sư phạm Ngữ văn tại Trường Đại học sư phạm Huế. Từ tháng 10/2011 đến nay, bà giảng dạy tại trường THPT Trần Kỳ Phong, Bình Sơn, Quảng Ngãi.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam, thơ Quảng Ngãi,...